

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1989; thường trú: Số 117 đường ĐX69, tổ 10, khu 5, phường Đ, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1982; tạm trú: Số 117 đường ĐX69, tổ 10, khu 5, phường Đ, thành phố M, tỉnh B. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Long Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 136A Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận T, Thành phố M. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, năm 2009 chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn H tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, Thành phố N theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01.2009, ngày 16/02/2009. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại thành phố M. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên dùng bạo lực với chị H, chị H đã cố gắng để gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hằng yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011 và Ngô Thanh T, sinh ngày 31/5/2014. Hiện nay con chung đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Văn H trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn và con chung nhưng không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có vấn đề gì, thỉnh thoảng vợ chồng cũng cãi nhau nhưng chỉ là những chuyện nhỏ nhặt. Việc chị H cho rằng anh H thường xuyên dùng bạo lực là không đúng. Anh H thừa nhận cách đây khoảng vài tháng, anh H có đánh chị H một cái vào mặt nhưng đó là do chị H ham chơi không rước con đúng giờ, để con phải chờ hơn 2 tiếng đồng hồ và một lần gần đây nhất là trong khi vợ chồng cãi nhau, lúc đó anh H đã uống bia, rượu, do không kiềm chế được nên tát chị H một cái vào mặt. Sau đó, chị H nộp đơn ly hôn và dẫn hai con về quê sống cho đến nay. Ngoài hai lần anh H tát chị H thì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Anh H xác định vẫn còn yêu thương vợ và muốn hàn gắn gia đình, do đó anh H không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn nhưng anh H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con là Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011 và Ngô Thanh T, sinh ngày 31/5/2014, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh H có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra, anh H cũng yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 31/5/2014. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Thanh T mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa, anh H đồng ý ly hôn với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của chị H thì từ trước đến nay, chị H chỉ làm nội trợ trong gia đình, hiện tại qua tìm hiểu chị H vẫn chưa có việc làm nên việc nuôi dạy 02 cháu sẽ không được đảm bảo. Anh H là người chăm lo về vật chất

cho 02 cháu và gia đình còn sống ở B cho đến nay. Anh H có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập cao, có khả năng nuôi cháu H và cấp dưỡng nuôi cháu T. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H về việc được trực tiếp nuôi cháu Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ngày 22/4/2021, nguyên đơn chị Đỗ Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, Thành phố N theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyền số 01.2009, ngày 16/02/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị H xác định cuộc sống vợ chồng chị H và anh H không hạnh phúc từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên dùng bạo lực với chị H. Mặc dù chị H đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng những mâu thuẫn đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình, không trầm trọng. Anh H xác định không dùng bạo lực với chị H. Từ khi kết hôn, anh chỉ tát vào mặt chị H hai lần do bản thân nóng giận không thể kìm chế. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011 và Ngô Thanh T, sinh ngày 31/5/2014. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011. Xem xét điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H và anh H thấy rằng: Tuy anh H có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định nhưng từ trước đến nay, hai cháu H và T đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 22/4/2021 thể hiện hai cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Mặt khác, các cháu còn nhỏ, đang trong độ tuổi phát triển, cần sự chăm sóc và dạy dỗ của mẹ. Hiện nay các cháu đang sống chung với mẹ. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con của chị H là có căn cứ. Anh H cho rằng chị H không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nhưng anh H không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H của anh H là không có cơ sở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2021, anh H trình bày sẽ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại biên bản làm việc ngày 26/5/2021, anh H đề nghị Tòa án cho anh thời gian 10 ngày để nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, đã hết thời hạn 10 ngày và đến nay Tòa án vẫn không nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H đối với bị đơn anh Ngô Văn H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn H.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Ngô Trung H, sinh ngày 27/01/2011 và Ngô Thanh T, sinh ngày 31/5/2014 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị H không yêu cầu anh Ngô Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0051332 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B.

Đương có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND xã B, H. P,
- Thành phố N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

